



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 10

Số 82 (01/10/2010)

MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ		
15-9-2010	Quyết định số 4028/QĐ-UBND về duyệt nhiệm vụ quy hoạch đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 một phần khu I thuộc Khu đô thị Tây Bắc thành phố Hồ Chí Minh.	2
17-9-2010	Quyết định số 69/2010/QĐ-UBND ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.	10
17-9-2010	Quyết định số 70/2010/QĐ-UBND ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh.	22
17-9-2010	Quyết định số 71/2010/QĐ-UBND ban hành Quy định về quản lý, sử dụng xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự để vận chuyển hành khách, hàng hóa trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	39

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

07-9-2010 - Quyết định số 11/2010/QĐ-UBND về việc công bố văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực. 50

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4028/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH**Về duyệt nhiệm vụ quy hoạch đồ án quy hoạch phân khu
tỷ lệ 1/2000 một phần khu I thuộc Khu đô thị Tây Bắc
thành phố Hồ Chí Minh****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị của Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ 5 số 30/2009/QH12 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2009, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010;

Căn cứ Công văn số 07/BXD-KTQH ngày 28 tháng 01 năm 2010 của Bộ Xây dựng về thực hiện Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch - Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 03/2008/QĐ-BXD ngày 31 tháng 3 năm 2008 của Bộ Xây dựng về ban hành một số quy định nội dung thể hiện bản vẽ và thuyết minh đối với nhiệm vụ và đồ án Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 24/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2010 về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 93/2008/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về thẩm quyền thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị và quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 4919/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000 khu đô thị Tây Bắc thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 1894/TTr-SQHKT ngày 15 tháng 7 năm 2010 về việc thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 một phần khu I thuộc Khu đô thị Tây Bắc thành phố Hồ Chí Minh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 một phần khu I thuộc Khu đô thị Tây Bắc thành phố Hồ Chí Minh với các nội dung chính như sau:

1. Vị trí và quy mô nghiên cứu:

1.1. Vị trí khu đất quy hoạch:

- Thuộc Khu đô thị Tây Bắc thành phố Hồ Chí Minh, nằm trên địa bàn xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi.

- Ranh giới khu vực lập quy hoạch:

+ Phía Bắc và Đông Bắc giáp khu VII của Khu đô thị Tây Bắc;

+ Phía Đông giáp khu B, Khu đô thị Tây Bắc;

+ Phía Nam giáp khu A và huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thông qua kênh Thầy Cai;

+ Phía Tây và Tây Bắc giáp khu II, Khu đô thị Tây Bắc.

1.2. Quy mô nghiên cứu:

- Quy mô diện tích đất quy hoạch là: 454,05ha (so với diện tích đất quy hoạch khu I được duyệt tại Quyết định số 4919/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2009 là 702,5ha, giảm 248,45ha do không tính phần diện tích đất sân golf 200ha và Nhà máy nước Kênh Đông 48,45ha).

- Dân số dự kiến: 20.000 - 21.000 người.

2. Tính chất, chức năng quy hoạch:

Là khu đô thị sinh thái cao cấp với hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật hiện đại được cấu thành bởi các yếu tố nền tảng:

- Hệ thống sông nước;
- Các không gian mở;
- Sử dụng đất tối đa hóa khả năng tương hỗ giữa địa phương, vùng lân cận và khu vực dự án.
- Giao thông vận tải và cơ sở hạ tầng;
- Môi trường chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế.

3. Phương án bố cục, phân khu chức năng:

Phương án nhằm xây dựng một cộng đồng dân cư sinh thái với thể loại gần gũi với cảnh quan sân golf và khu vực các trường đại học tư thục. Trong khu vực này, phía Đông Bắc giáp bờ kênh Đông, duy trì ý tưởng xây dựng một quảng trường, kết hợp là trung tâm sinh hoạt cho cộng đồng tại đây.

Hệ thống không gian mở công cộng được kết nối với công viên trung tâm và các khu vực lân cận.

Các kênh hiện tại sẽ được giữ lại có sự điều chỉnh hợp lý và liên hệ lẫn nhau để tạo mạng lưới xanh, tạo nên hệ thống mặt nước kết hợp có khả năng tạo cơ hội phát triển các khu đất giá trị cao hơn.

4. Cơ cấu sử dụng đất và các chỉ tiêu quy hoạch:

4.1. Cơ cấu sử dụng đất:

Diện tích đất tự nhiên của Khu I - thuộc Khu đô thị Tây Bắc đã được duyệt Quy hoạch chung 1/5000 là **702,5ha**, trong đó phương án đề xuất là 454,05ha (do không tính phần diện tích đất sân golf khoảng 200ha và Nhà máy nước Kênh Đông khoảng 48,45ha):

STT	LOẠI ĐẤT	THEO QUY HOẠCH CHUNG 1/5000		THEO PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH ĐỀ XUẤT	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
A. Đất đơn vị ở		338,96	49	160	35,24
1	Đất nhóm nhà ở	80,02	11,4	80	17,62
2	Công trình công cộng	12,02	1,7	12	2,64
	Trong đó gồm:				
	- Đất hành chính			0,5	0,11
	- Đất giáo dục			8,3	1,83
	- Đất y tế			1	0,22
	- Đất văn hóa			1,2	0,26
	- Đất thương mại			1	0,22
3	Cây xanh và TĐTT (1*)	205,89	29,3	26	5,73
4	Giao thông khu ở	41,12	5,9	42	9,25
	- Giao thông động	31,12	4,57	33	7,27
	- Giao thông tĩnh	9	1,28	9	1,98
5	Giao thông khu ở	5	0,7	5	1,1
B. Đất ngoài đơn vị ở		363,54	51	294,05	64,76
1	Công trình công cộng	114,7	16,4	114,7	25,26
	- Đất giáo dục	88,35	12,6	88,35	19,46
	- Công trình dịch vụ	26,35	3,8	26,35	5,8
2	Đất giao thông đối ngoại	14,41	2,1	14,41	3,18
3	Nhà máy nước Kênh Đông	19,2	2,7		
4	Đất cây xanh (2*)	76,43	10,9	56	12,33
5	Đất sông rạch, hồ cảnh quan (3*)	133,8	19	103,94	22,89
	Tổng cộng	702,5	100	454,05	100,00

(1*): bao gồm 90% diện tích khu sân golf Củ Chi (khoảng 180ha).

(2*): bao gồm 10% diện tích khu sân golf Củ Chi (khoảng 20ha).

(3*): bao gồm 30ha diện tích mặt nước kỹ thuật thuộc Nhà máy nước Kênh Đông.

4.2. Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc:

Quy mô dân số dự kiến : 20.000 đến 21.000 người.

Trong đó:

- Đất đơn vị ở : 76 - 80 m²/người
- + Đất xây dựng nhóm nhà ở : 38 - 40 m²/người
- + Đất công trình dịch vụ cấp đơn vị ở : 5,7 - 6 m²/người
- + Đất cây xanh sử dụng công cộng, thể dục thể thao : 12,35 - 13 m²/người
- + Đất giao thông : 20 - 21 m²/người
- Mật độ xây dựng toàn khu : 30 - 40%
- Tầng cao : 2,5 - 15 tầng

4.3. Các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật:

- Cấp điện sinh hoạt : 2.000 - 2.500 kwh/ng/năm
- Cấp nước sinh hoạt : 200 lít/người/ngày đêm
- Thoát nước bản sinh hoạt : 200 lít/người/ngày đêm
- Rác đô thị : 1 - 1,5 kg/người/ngày.

5. Phương hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

5.1. Giao thông:

- Giao thông đường bộ: hệ thống đường bộ được quy hoạch bao gồm đường đối ngoại và đường đối nội. Đường đối ngoại gồm các tuyến đường chính và đường liên khu vực có lộ giới từ 40m đến 60m được dự kiến căn cứ theo quy hoạch chung Khu đô thị Tây Bắc. Trong các khu chức năng dự kiến xây dựng mới các tuyến đường nội bộ khác bổ sung đảm bảo chỉ tiêu mật độ giao thông trong khu vực nghiên cứu.

- Diện tích giao thông chiếm khoảng 12,43% diện tích chung và chỉ tiêu giao thông phân theo chức năng như sau:

+ Giao thông đối ngoại: bao gồm đường đối ngoại và nút giao thông chính, chiếm khoảng 3,18% diện tích chung.

+ Giao thông đối nội: bao gồm đường đối nội và bãi đậu xe, chiếm khoảng 9,25% diện tích và khoảng 20 - 21 m²/người.

- Giao thông thủy: trong ranh khu vực nghiên cứu có kênh Thầy Cai có chức năng giao thông thủy.

- Giao thông đường sắt: dự kiến xây dựng tuyến đường sắt trên cao đi dọc kênh Đông và đi vào khu quy hoạch với các trạm dừng cách khoảng 1 - 1,5km phục vụ nhu cầu di chuyển, du lịch,... của Khu đô thị Tây Bắc thành phố Hồ Chí Minh nói chung và khu vực quy hoạch nói riêng.

5.2. Cấp điện:

- Nguồn điện dự kiến: dự kiến được cấp điện từ trạm 110/15-22kV Củ Chi hiện hữu và các trạm 110/22kV dự kiến xây dựng ở Khu đô thị Tây Bắc: Tân Phú Trung, Đô thị Tây Bắc 1, Đô thị Tây Bắc 2.

- Chỉ tiêu cấp điện 2.000 - 2.500 kwh/người/năm.

5.3. Cấp nước:

- Nguồn nước cấp sinh hoạt cho khu vực dự kiến quy hoạch, là nguồn nước máy thành phố, dựa vào tuyến ống cấp nước thuộc hệ thống cấp nước của Nhà máy nước Kênh Đông theo quy hoạch chung toàn khu đô thị đã được phê duyệt quy hoạch chung.

- Tiêu chuẩn nước cấp sinh hoạt dân cư $q_{sh} = 200$ l/người ngày đêm.

- Tiêu chuẩn nước cấp dịch vụ công cộng $q_{dv} = 30$ l/người ngày đêm.

5.4. San nền - thoát nước mặt:

Sử dụng hệ thống cống ngầm và các kênh hiện hữu cải tạo để tổ chức thoát nước mưa. Hướng thoát nước mặt chủ yếu đổ về hướng kênh Thầy Cai.

Tôn nền phần lớn diện tích khu đất kết hợp với việc tạo các hồ cảnh quan.

Cao độ xây dựng chọn: $\nabla_{xd} \geq 2,0m$.

Cao độ đáy hồ cảnh: - 2,50m.

5.5. Thoát nước bản, vệ sinh môi trường:

Theo Đồ án quy hoạch chung Khu đô thị Tây Bắc (1/5000), nước thải trong khu quy hoạch được thu gom vào hệ thống cống thoát nước thải riêng và đưa về 2 trạm xử lý nước thải khu vực số 2 và khu vực số 3. Nước thải sau xử lý phải đạt tiêu chuẩn TCVN 7222-2002 trước khi xả ra kênh rạch.

STT	Loại nước thải	Tiêu chuẩn
1	Sinh hoạt	200 lít/người/ngày
2	Dịch vụ công cộng	30 lít/người/ngày
3	Khách vãng lai	20 lít/người/ngày
4	Tiểu thủ công nghiệp	15 lít/người/ngày

Hệ số không điều hòa ngày: 1,1

Rác thải sinh hoạt được tập trung và vận chuyển về bãi xử lý tập trung của thành phố. Tiêu chuẩn rác thải: 1 kg/người/ngày đêm.

5.6. Giải pháp về môi trường:

Quy hoạch đảm bảo khoảng cách ly vệ sinh từ bãi rác Phước Hiệp đến khu dân cư tối thiểu 1.500m, từ Khu công nghiệp Tân Phú Trung tối thiểu 50m.

Di dời các cơ sở công nghiệp vào khu hoặc cụm công nghiệp tập trung.

Hạn chế lấp rạch, đảm bảo khoảng cách ly theo Quyết định số 150/QĐ-UB ngày 09 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về quy định quản lý, sử dụng hành lang trên bờ sông, kênh, rạch.

6. Việc quản lý quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 một phần khu I thuộc Khu đô thị Tây Bắc cần lưu ý một số điểm sau:

- Theo Quy hoạch chung khu I có diện tích 205,89ha đất cây xanh trong đơn vị ở, bao gồm 90% diện tích khu sân golf Củ Chi (khoảng 180ha), phương án đề xuất đất cây xanh đơn vị ở 26ha, chiếm tỷ lệ 5,73%.

- Theo Quy hoạch chung khu I có diện tích 76,43ha đất cây xanh ngoài đơn vị ở, bao gồm 10% diện tích khu sân golf Củ Chi (khoảng 20ha), phương án đề xuất đất cây xanh đơn vị ở 56ha, chiếm tỷ lệ 12,33%.

- Căn cứ Quyết định số 4087/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2008 về điều chỉnh Quyết định số 4456/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố (giao đất cho Công ty Cổ phần cấp nước Kênh Đông tại xã Tân An Hội, huyện Củ Chi) diện tích giao khoảng 48,45ha. Theo Quy hoạch chung khu I có diện tích 19,2ha Nhà máy nước Kênh Đông và 30ha diện tích mặt nước kỹ thuật thuộc Nhà máy nước Kênh Đông. Phương án đề xuất đất cây xanh đơn vị ở 26ha, chiếm tỷ lệ 5,73%.

7. Các vấn đề lưu ý chung:

- Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 cần tuân thủ việc kết nối giao thông được thể hiện trong Bản đồ quy hoạch giao thông tại Đồ án quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000 Khu đô thị Tây Bắc.

- Cơ cấu quy mô sử dụng đất trong Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 cần tuân thủ đúng cơ cấu quy mô sử dụng đất trong khu I thuộc quy hoạch

chung xây dựng tỷ lệ 1/5000 của Khu đô thị Tây Bắc (đất ở, giao thông, cây xanh tập trung, mặt nước, công trình công cộng...).

Điều 2. Trên cơ sở nội dung Nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 một phần khu I thuộc Khu đô thị Tây Bắc thành phố Hồ Chí Minh được duyệt, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi và Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc thành phố triển khai thực hiện nghiên cứu các đồ án quy hoạch chi tiết 1/500 trên một phần khu I thuộc Khu đô thị Tây Bắc và trình duyệt theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Viện trưởng Viện Nghiên cứu phát triển, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Trưởng Ban Quản lý đường sắt đô thị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn, Trưởng ban Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc và Thủ trưởng các sở - ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 69/2010/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 9 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 13/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 05/2009/TTLT-BKHĐT-BNV ngày 05 tháng 8 năm 2009 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về lĩnh vực kế hoạch và đầu tư thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Quyết định số 2559/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 1996 của Ủy ban nhân dân thành phố về thành lập Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 5256/TTr-SKHĐT ngày 20 tháng 7 năm 2010 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1227/TTr-SNV ngày 19 tháng 8 năm 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 86/2007/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các Sở - ngành thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 69/2010/QĐ-UBND
ngày 17 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I

VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG

Điều 1. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kế hoạch và đầu tư, bao gồm các lĩnh vực: tổng hợp về quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; tổ chức thực hiện và đề xuất về cơ chế, chính sách quản lý kinh tế - xã hội; đầu tư trong nước, đầu tư nước ngoài ở thành phố; quản lý nguồn hỗ trợ phát triển chính thức, nguồn viện trợ phi Chính phủ; đấu thầu; đăng ký kinh doanh; tổng hợp và thống nhất quản lý các vấn đề về doanh nghiệp, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân; tổ chức cung ứng các dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở theo quy định của pháp luật; thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân công, ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố và theo quy định của pháp luật.

Sở Kế hoạch và Đầu tư có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, được cấp kinh phí hoạt động từ ngân sách và mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước để hoạt động theo quy định.

Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh có tên giao dịch bằng tiếng Anh là: **DEPARTMENT OF PLANNING AND INVESTMENT OF HO CHI MINH CITY.**

Viết tắt là: **HCMC D.P.I**

Trụ sở của Sở Kế hoạch và Đầu tư đặt tại số 32, đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân thành phố; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Chương II **NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN**

Điều 3. Trình Ủy ban nhân dân thành phố

1. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố về quy hoạch tổng thể, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm; bố trí kế hoạch vốn đầu tư thuộc ngân sách thành phố; kế hoạch xúc tiến đầu tư; các cân đối chủ yếu về kinh tế - xã hội.

2. Dự thảo chương trình hành động thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố và chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch tháng, quý, năm, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố để điều hành việc thực hiện các cân đối chủ yếu về kinh tế - xã hội thành phố.

3. Đề xuất cơ chế quản lý và chính sách hỗ trợ đối với việc sắp xếp doanh nghiệp nhà nước và phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc các thành phần kinh tế trên địa bàn.

4. Trình các quyết định, chỉ thị; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính thuộc phạm vi quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư; quyết định về phân công, phân cấp quản lý về các lĩnh vực kế hoạch và đầu tư cho Ủy ban nhân dân quận - huyện, sở - ngành của thành phố theo quy định của pháp luật, phân công của Ủy ban nhân dân thành phố, phân cấp của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

5. Phối hợp với các đơn vị liên quan trình danh mục các dự án đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài cho từng kỳ kế hoạch và điều chỉnh trong trường hợp cần thiết.

6. Dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật quy định cụ thể về tiêu chuẩn chức danh đối với cấp trưởng, cấp phó các đơn vị thuộc Sở; trưởng, phó Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện sau khi thống nhất ý kiến với Sở Tài chính theo phân công của Ủy ban nhân dân thành phố.

7. Phối hợp với Sở Tài chính trình kế hoạch cân đối tài chính của thành phố.

Điều 4. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố

1. Dự thảo Quyết định, chỉ thị và các văn bản khác thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở.

2. Cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố theo phân cấp.

Điều 5. Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thông tin, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về lĩnh vực kế hoạch và đầu tư; tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, các chính sách, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở sau khi được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc phê duyệt.

Điều 6. Về quy hoạch và kế hoạch

1. Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của thành phố sau khi đã được phê duyệt theo quy định.

2. Quản lý và điều hành một số lĩnh vực về thực hiện kế hoạch được Ủy ban nhân dân thành phố giao.

3. Hướng dẫn các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện xây dựng quy hoạch, kế hoạch phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội chung của thành phố đã được phê duyệt.

4. Phối hợp với Sở Tài chính lập dự toán ngân sách thành phố và phân bổ ngân sách cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong thành phố.

5. Phối hợp với Sở Tài chính thẩm định dự toán kinh phí đối với dự án lập, điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

6. Thẩm định đối với dự án lập, điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp huyện và quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực sản phẩm chủ yếu.

7. Có ý kiến đối với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của huyện; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu trên địa bàn thành phố; danh sách thành viên Hội đồng thẩm định quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của huyện, Hội đồng thẩm định quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân các huyện, các sở - ngành.

Điều 7. Về đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính xây dựng kế hoạch và bố trí mức vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước do thành phố quản lý cho từng chương trình, dự án phù hợp với tổng mức đầu tư và cơ cấu đầu tư theo ngành, lĩnh vực.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các sở - ban - ngành và quận - huyện có liên quan thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn đầu tư phát triển của các chương trình, dự án trên địa bàn.

3. Làm đầu mối tiếp nhận, giám sát, kiểm tra, thanh tra, thẩm tra các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố.

4. Phối hợp với Trung tâm xúc tiến thương mại và đầu tư thành phố tham mưu trình Ủy ban nhân dân thành phố kế hoạch, chương trình xúc tiến đầu tư; hướng dẫn thủ tục đầu tư theo thẩm quyền.

5. Thực hiện quản lý hoạt động đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài theo sự phân công, ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 8. Về quản lý nguồn hỗ trợ phát triển chính thức và các dự án viện trợ phi Chính phủ

1. Vận động, thu hút, điều phối quản lý và hướng dẫn các sở - ban - ngành xây dựng danh mục, nội dung các chương trình sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức, viện trợ phi Chính phủ; tổng hợp danh mục các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức, các dự án viện trợ phi Chính phủ trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Đánh giá thực hiện các chương trình, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức, các dự án viện trợ phi Chính phủ; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xử lý những vấn đề vướng mắc trong việc bố trí vốn đối ứng, giải ngân thực hiện các dự án có liên quan đến nhiều cơ quan, đơn vị; định kỳ tổng hợp, báo cáo về tình hình và hiệu quả thu hút, sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức và nguồn viện trợ phi Chính phủ.

Điều 9. Về quản lý đấu thầu

1. Thẩm định và chịu trách nhiệm nội dung các văn bản trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về kế hoạch đấu thầu các dự án hoặc gói thầu thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố; thẩm định và phê duyệt kế hoạch đấu thầu các dự án hoặc gói thầu được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ủy quyền.

2. Hướng dẫn, theo dõi, giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về đấu thầu, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện các dự án đấu thầu đã được phê duyệt và tình hình thực hiện công tác đấu thầu theo quy định.

Điều 10. Về doanh nghiệp, đăng ký kinh doanh

1. Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đăng ký kinh doanh của công ty nhà nước theo quy định pháp luật.

2. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về thủ tục đăng ký kinh doanh; đăng ký tạm ngừng kinh doanh; cấp mới, bổ sung, thay đổi, cấp lại và thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trên địa bàn thuộc thẩm quyền của Sở; phối hợp với các ngành, quận - huyện kiểm tra, theo dõi và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm sau đăng ký kinh doanh của các doanh nghiệp tại địa phương; thu nhập, lưu trữ và quản lý thông tin về đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Về kinh tế tập thể và kinh tế tư nhân

1. Đầu mối tổng hợp, đề xuất các mô hình và cơ chế, chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân; hướng dẫn, theo dõi tổng hợp và đánh giá tình hình thực hiện trên địa bàn thành phố.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan giải quyết các vướng mắc về cơ chế, chính sách phát triển kinh tế tập thể và kinh tế tư nhân có tính chất liên ngành.

3. Đầu mối phối hợp với các tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế nghiên cứu, tổng kết kinh nghiệm, xây dựng các chương trình, dự án trợ giúp, thu hút vốn và các nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân trên địa bàn thành phố.

4. Định kỳ lập báo cáo gửi Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan về tình hình phát triển kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân trên địa bàn thành phố theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 12. Về trợ giúp doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Làm đầu mối, phối hợp với các sở - ban - ngành xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn để trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, ban hành và chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện; điều phối, hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện các chương trình trợ giúp sau khi được phê duyệt.

2. Phối hợp với các sở - ban - ngành có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức đối thoại giữa chính quyền địa phương và doanh nghiệp nhằm trao đổi thông tin, tháo gỡ vướng mắc, khó khăn trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa; tuyên dương, khen thưởng các nghệ nhân, doanh nhân,

doanh nghiệp nhỏ và vừa có thành tích xuất sắc trong kinh doanh, có sáng tạo trong thiết kế mẫu mã và truyền dạy nghề.

Điều 13. Các nhiệm vụ khác

1. Thực hiện hợp tác quốc tế và hợp tác với các địa phương trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư theo quy định của pháp luật và sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực kế hoạch và đầu tư cho các đơn vị có liên quan và theo dõi, kiểm tra việc tổ chức thực hiện.

3. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn nghiệp vụ về lĩnh vực được giao.

4. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm và chống lãng phí.

5. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của các đơn vị thuộc Sở; quản lý biên chế thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố.

6. Quản lý tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân thành phố.

7. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

8. Thực hiện những nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân thành phố giao theo quy định của pháp luật.

Chương III TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ

Điều 14. Lãnh đạo Sở

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư do Giám đốc phụ trách chung và có các Phó Giám đốc giúp việc cho Giám đốc.

2. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư là người chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Sở Kế hoạch và Đầu tư; chịu trách nhiệm báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định.

3. Phó Giám đốc là người giúp Giám đốc Sở, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về lĩnh vực công tác được Giám đốc phân công; khi Giám đốc vắng mặt, một Phó Giám đốc Thường trực được ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

4. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Giám đốc và Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ do cơ quan có thẩm quyền ban hành và theo các quy định của nhà nước về quản lý cán bộ, công chức.

5. Việc điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ chính sách khác đối với Giám đốc, Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật.

6. Các chức danh khác của Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ, công chức của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 15. Cơ cấu tổ chức

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư bao gồm: Văn phòng, Thanh tra, các Phòng Đăng ký kinh doanh, các phòng nghiệp vụ, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc (nếu có); số lượng phòng nghiệp vụ không quá 07 theo quy định tại Thông tư liên tịch số 05/2009/TTLT-BKHĐT-BNV ngày 05 tháng 8 năm 2009 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về lĩnh vực kế hoạch và đầu tư thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định thành lập, sáp nhập hoặc điều chỉnh các phòng chuyên môn, nghiệp vụ trên cơ sở thỏa thuận với Giám đốc Sở Nội vụ; nhiệm vụ cụ thể của các phòng nghiệp vụ do Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quy định.

3. Việc thành lập các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định theo quy định của pháp luật.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư có một số Hội đồng do Giám đốc quyết định thành lập để phục vụ yêu cầu công tác của Sở Kế hoạch và Đầu tư, thành viên của các Hội đồng làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

Điều 16. Biên chế

1. Biên chế hành chính của Sở Kế hoạch và Đầu tư được Ủy ban nhân dân thành phố giao hàng năm trong tổng chỉ tiêu biên chế quản lý nhà nước của thành phố.

2. Biên chế của đơn vị trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định theo định mức biên chế và quy định của pháp luật.

Chương IV CÁC MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 17. Đối với Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ sự chỉ đạo và hướng dẫn nghiệp vụ, chuyên môn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đảm bảo sự thống nhất của ngành, lĩnh vực trong cả nước và sự phân cấp quản lý của Trung ương. Sở có trách nhiệm báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình hoạt động của Sở với Bộ; tham dự đầy đủ các hội nghị do Bộ triệu tập. Các chủ trương lớn của Bộ, Giám đốc Sở phải báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố để triển khai thực hiện. Các chủ trương lớn của Ủy ban nhân dân thành phố có liên quan đến nghiệp vụ quản lý ngành, Giám đốc Sở phải báo cáo Bộ để có hướng dẫn chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ.

Trường hợp Bộ chưa nhất trí với chủ trương của Ủy ban nhân dân thành phố hoặc những chủ trương, quyết định của Bộ mà Sở xét thấy không phù hợp với tình hình thực tiễn của thành phố, Giám đốc Sở kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố kèm theo kiến nghị cụ thể để Ủy ban nhân dân thành phố làm việc với Bộ trưởng hoặc kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 18. Đối với Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu sự giám sát của Hội đồng nhân dân thành phố, có trách nhiệm báo cáo, trình bày hoặc cung cấp tài liệu cần thiết cho Hội đồng nhân dân thành phố, trả lời các chất vấn, kiến nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố về những vấn đề có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Sở.

2. Giám đốc Sở có trách nhiệm báo cáo định kỳ, đột xuất tình hình, kế hoạch

hoạt động của Sở cho Ủy ban nhân dân thành phố theo chế độ quy định; tham gia đầy đủ các cuộc họp do Ủy ban nhân dân thành phố triệu tập; tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân thành phố về các vấn đề có liên quan do Sở phụ trách.

3. Giám đốc Sở chịu trách nhiệm giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền được giao, đối với những vấn đề vượt quá thẩm quyền, phải xin ý kiến của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 19. Đối với các sở - ban - ngành thành phố

1. Phối hợp với tổ chức nghiên cứu, hướng dẫn, xây dựng các phương án tổng hợp về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội dài hạn, trung hạn và hàng năm; xem xét, thống nhất chọn lựa các chương trình, dự án đầu tư phát triển của ngành, lĩnh vực nhằm đảm bảo phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố trong từng thời kỳ; theo dõi, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch và đầu tư phát triển theo quy định.

2. Phối hợp cung cấp, trao đổi, đánh giá các số liệu thống kê, báo cáo để thực hiện các công tác chuyên môn, nghiệp vụ của Sở; nghiên cứu, đề xuất với Ủy ban nhân dân thành phố quyết định hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền ban hành hoặc sửa đổi các cơ chế, chính sách phù hợp với tình hình, đặc điểm của thành phố.

Điều 20. Đối với Ủy ban nhân dân quận - huyện

Phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các quận - huyện xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quận - huyện phù hợp với quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố; hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Căn cứ nội dung Quy chế này, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm ban hành quy chế làm việc cụ thể của Sở, quy định chức năng nhiệm vụ, mối quan hệ của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và bố trí nhân sự phù hợp, để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Thủ trưởng các sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của ngành, của địa phương, có trách nhiệm phối hợp thực hiện đúng nội dung Quy chế này.

Điều 22. Khi xét thấy cần thiết, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này cho phù hợp yêu cầu thực tiễn và quy định pháp luật hiện hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 70/2010/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 9 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 13/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 16/2009/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 8 Nghị định số 13/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 12/2008/TTLT-BGTVT-BNV ngày 05 tháng 12 năm 2008 của Bộ Giao thông vận tải - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về giao thông vận tải thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 3796/SGTVT-TCCB ngày 06 tháng 7 năm 2010 và Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1044/TTr-SNV ngày 16 tháng 7 năm 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký; thay thế Quyết định số 22/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân

thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Giao thông - Công chính thành phố và các quy định trước đây trái với Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các Sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Sở Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 70/2010/QĐ-UBND
ngày 17 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Sở Giao thông vận tải là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực: giao thông (cầu, đường bộ, đường thủy nội địa, đường sắt đô thị); vận tải; kết cấu hạ tầng khác có liên quan đến giao thông vận tải (cấp thoát nước, công viên cây xanh, chiếu sáng công cộng và bãi đỗ xe đô thị, kè bảo vệ bờ trên các tuyến đường thủy nội địa, tuyến hàng hải); an toàn giao thông trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn khác theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố và theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Sở Giao thông vận tải chịu sự chỉ đạo và quản lý trực tiếp của Ủy ban nhân dân thành phố, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Giao thông vận tải;

Sở Giao thông vận tải có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được cấp kinh phí hoạt động từ ngân sách, được mở tài khoản tại Ngân hàng và Kho bạc Nhà nước theo quy định hiện hành;

Sở Giao thông vận tải có tên giao dịch tiếng Anh là Ho Chi Minh City Department of Transportation and Communication, viết tắt là DTC. HCMC, trụ sở đặt tại số: 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh;

Điện thoại: 38. 290451 - 38. 237439. Số Fax (84.8) 38. 290458.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN

Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Dự thảo quyết định, chỉ thị và các văn bản khác thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân thành phố về giao thông vận tải;

b) Dự thảo quy hoạch, kế hoạch 05 năm, hàng năm, chương trình, dự án về giao thông vận tải; các biện pháp tổ chức thực hiện cải cách hành chính về giao thông vận tải thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở;

c) Các dự án đầu tư về giao thông vận tải thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố;

d) Dự thảo quy định về tiêu chuẩn chức danh đối với Trưởng, Phó các đơn vị thuộc Sở Giao thông vận tải; tham gia với các cơ quan có liên quan xây dựng dự thảo quy định về tiêu chuẩn chức danh Trưởng, Phó phòng chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước về giao thông vận tải thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Dự thảo các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về giao thông vận tải;

b) Dự thảo quyết định thành lập, sáp nhập, giải thể, tổ chức lại các đơn vị thuộc Sở Giao thông vận tải theo quy định của pháp luật; phối hợp với Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố dự thảo quyết định xếp hạng các đơn vị sự nghiệp, dịch vụ công lập do Sở Giao thông vận tải quản lý theo hướng dẫn của Bộ Giao thông vận tải và Bộ Nội vụ.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực giao thông vận tải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về giao thông vận tải trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quản lý kết cấu hạ tầng giao thông:

a) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý nhà nước về chuyên ngành, quyết định đầu tư, chủ đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông, kết cấu hạ tầng giao thông theo quy định và theo phân cấp của thành phố;

b) Tổ chức quản lý, bảo trì, bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật mạng lưới công trình giao thông đường bộ, đường sắt đô thị, đường thủy nội địa địa phương đang khai thác thuộc trách nhiệm của thành phố quản lý;

c) Thực hiện các biện pháp bảo vệ hành lang an toàn giao thông và công trình giao thông trên địa bàn theo quy định của pháp luật, hướng dẫn của Bộ Giao thông vận tải và các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành;

d) Công bố theo thẩm quyền quản lý việc đóng, mở tuyến đường thủy nội địa địa phương và đóng, mở các cảng, bến thủy nội địa trên tuyến đường thủy nội địa địa phương, luồng hàng hải, tuyến chuyên dùng nối với tuyến đường thủy nội địa địa phương theo quy định của pháp luật; tổ chức cấp giấy phép hoạt động bến khách ngang sông;

đ) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố quyết định phân loại, điều chỉnh hệ thống đường bộ của thành phố, các tuyến đường khác theo quy định của pháp luật và theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố;

e) Thiết lập và quản lý hệ thống báo hiệu đường bộ, đường thủy nội địa, đường sắt đô thị địa phương trong phạm vi quản lý;

g) Có ý kiến đối với các dự án xây dựng công trình chuyên ngành do Sở quản lý; thỏa thuận mép bờ cao, thiết kế công trình kè, bờ trên tuyến thoát nước, đường thủy nội địa, tuyến hàng hải; cấp phép thi công trên các tuyến đường bộ đang khai thác do địa phương quản lý hoặc Trung ương ủy thác quản lý; cấp phép lưu hành xe quá tải, quá khổ trên đường bộ và giấy phép lưu thông vào đường cấm, giờ cấm trong nội đô thành phố;

h) Tổ chức thực thi các nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước tại bến xe ô tô, bãi đỗ xe, trạm bảo dưỡng kỹ thuật phương tiện vận tải, trạm dừng nghỉ và cảng bến thủy nội địa trên các tuyến đường bộ, đường thủy nội địa do địa phương quản lý;

i) Nghiên cứu triển khai thí điểm một số công nghệ mới trong công tác quản lý kết cấu hạ tầng giao thông để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố áp dụng.

5. Về phương tiện và người điều khiển phương tiện giao thông, phương tiện, thiết bị xếp dỡ, thi công chuyên dùng trong giao thông vận tải (trừ phương tiện phục vụ vào mục đích quốc phòng an ninh và tàu cá) và trang bị, thiết bị kỹ thuật chuyên ngành giao thông vận tải:

a) Tổ chức thực hiện việc đăng ký phương tiện thủy nội địa; cấp đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng cho tổ chức và cá nhân theo quy định của pháp luật và theo phân cấp của Bộ Giao thông vận tải;

b) Tổ chức thực hiện việc kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi

trường đối với phương tiện giao thông đường bộ, đường thủy nội địa theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ Giao thông vận tải;

c) Thẩm định thiết kế kỹ thuật trong sửa chữa, hoán cải phương tiện giao thông, phương tiện, thiết bị xếp dỡ, thi công chuyên dùng trong giao thông vận tải đường bộ, đường thủy nội địa theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ Giao thông vận tải;

d) Tổ chức việc đào tạo, sát hạch, cấp, đổi, thu hồi giấy phép, bằng, chứng chỉ chuyên môn, giấy chứng nhận học tập pháp luật cho người điều khiển phương tiện giao thông, người vận hành phương tiện, thiết bị chuyên dùng trong giao thông vận tải, cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe của các cơ sở đào tạo lái xe trên địa bàn; đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp, thu hồi giấy phép và quản lý việc đào tạo lái xe đối với các cơ sở đào tạo lái xe trên địa bàn theo quy định của pháp luật và theo phân cấp của Bộ Giao thông vận tải; cấp chứng chỉ hành nghề kinh doanh dịch vụ thiết kế phương tiện giao thông đường bộ và phương tiện thủy nội địa cho các cá nhân tại thành phố Hồ Chí Minh theo quy định.

6. Về quản lý vận tải:

a) Chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện các chính sách phát triển vận tải hành khách công cộng theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố;

b) Tổ chức thực hiện việc quản lý vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định, hợp đồng, vận tải khách du lịch và vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, taxi và quản lý vận tải hàng hóa theo quy định của pháp luật; cấp phép vận tải quốc tế, cấp phép lưu hành đặc biệt cho phương tiện giao thông cơ giới đường bộ theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ Giao thông vận tải;

c) Hướng dẫn, kiểm tra xây dựng bến xe, bến tàu thủy, bến bãi vận tải, các Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới trên địa bàn theo quy hoạch được phê duyệt; việc tổ chức quản lý dịch vụ vận tải hành khách trên địa bàn thành phố;

d) Công bố hoạt động, theo dõi giám sát hoạt động thử nghiệm tàu khách nhanh và công bố, đăng ký tuyến vận tải hành khách hoạt động trên đường thủy nội địa địa phương;

đ) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố quyết định các chính sách, giá cước vận tải hàng hóa, hành khách công cộng theo quy định pháp luật;

e) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố về kế hoạch tổng thể cho việc

xây dựng, vận hành và khai thác các tuyến đường sắt đô thị của thành phố, nghiên cứu phát triển mạng lưới đường sắt đô thị theo quy hoạch ngành giao thông vận tải.

7. Về quản lý an toàn giao thông:

a) Chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện công tác tìm kiếm cứu nạn đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, luồng hàng hải và hàng không xảy ra trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân thành phố; phối hợp xử lý tai nạn giao thông trên địa bàn thành phố khi có yêu cầu;

b) Tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tai nạn giao thông, ngăn chặn và xử lý các hành vi xâm phạm công trình giao thông, lấn chiếm hành lang an toàn giao thông;

c) Thẩm định an toàn giao thông trên các tuyến đường của thành phố; các vị trí đầu nối giữa đường quận, huyện, đường xã với đường thành phố; các điểm đầu nối của các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ dọc hai bên đường thuộc phạm vi quản lý của thành phố.

8. Về quản lý cấp, thoát nước:

a) Định hướng chiến lược, quy hoạch phát triển ngành cấp, thoát nước trên địa bàn thành phố;

b) Quản lý, thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các tổ chức, cá nhân, thực hiện dự án đầu tư, xây dựng công trình cấp, thoát nước trên địa bàn thành phố theo đúng pháp luật của Nhà nước và hướng dẫn của Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ chuyên ngành;

c) Tổ chức lấy ý kiến chuyên ngành; thẩm định, phê duyệt hồ sơ các công trình cấp, thoát nước theo phân cấp và ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố;

d) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra và hướng dẫn thực hiện xây dựng công trình cấp, thoát nước theo đúng điều lệ quản lý xây dựng cơ bản của Nhà nước;

đ) Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành cấp, thoát nước của chủ đầu tư; tổ chức tư vấn thiết kế đối với các công trình do thành phố phân cấp quản lý. Trực tiếp tổ chức kiểm tra chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành tại địa phương khi cần thiết, báo cáo định kỳ về tình hình chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành;

e) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các định mức, định ngạch, quy chế tổ chức quản lý, khai thác hệ thống công trình chuyên ngành cấp, thoát nước;

g) Thẩm định, phê duyệt phân cấp quản lý hệ thống thoát nước thuộc thành phố quản lý;

h) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố quyết định các chính sách, giá nước sạch và quản lý các dịch vụ cấp, thoát nước trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật.

9. Về quản lý công viên cây xanh:

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các quy định, quy chế về quản lý, khai thác và sử dụng công trình công viên, cây xanh trên địa bàn thành phố;

b) Quản lý và định hướng phát triển các công viên, cây xanh trên địa bàn thành phố bao gồm:

- Duy trì, bảo quản hệ thống công viên cây xanh trên địa bàn thành phố; chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển đàn thú và giáo dục, bảo tồn động, thực vật tại Thảo Cầm Viên Sài Gòn;

- Thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn cây xanh đô thị, cấp phép đốn hạ cây xanh;

- Định hướng chiến lược, quy hoạch phát triển hệ thống công viên cây xanh trên địa bàn thành phố;

- Chủ trì thẩm định, xét, trình duyệt các dự án đầu tư xây dựng, giải pháp kỹ thuật, yêu cầu mỹ thuật các công trình xây dựng thuộc lĩnh vực công viên cây xanh.

10. Về quản lý chiếu sáng công cộng:

a) Tổ chức và hướng dẫn các đơn vị quản lý và chủ công trình trong việc duy tu, bảo dưỡng và bảo vệ hệ thống đèn chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông của thành phố;

b) Theo dõi, phân cấp quản lý hệ thống chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông của thành phố.

11. Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong giao thông vận tải thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở theo quy định của pháp luật.

12. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố trong công tác quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân; hướng dẫn, kiểm tra hoạt động đối với các hội và tổ chức phi chính phủ trong lĩnh vực giao thông vận tải ở thành phố theo quy định của pháp luật.

13. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về giao thông vận tải đối với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện.

14. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc quyền quản lý của Sở theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố và quy định của pháp luật.

15. Thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giao thông vận tải theo quy định của pháp luật và phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố; chủ trì hoặc tham gia thẩm định, đánh giá và tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu, đề án, dự án ứng dụng tiến bộ công nghệ có liên quan đến giao thông vận tải trên địa bàn thành phố.

a) Tham mưu trình Ủy ban nhân dân thành phố kế hoạch hợp tác quốc tế, triển khai các dự án thu hút vốn đầu tư nước ngoài thuộc ngành giao thông vận tải;

b) Tham gia đàm phán khi được Ủy ban nhân dân thành phố cho phép hoặc ủy quyền đàm phán trực tiếp và ký kết với các tổ chức, cá nhân nước ngoài theo đúng quy định của Luật Đầu tư;

c) Tổ chức, tham gia các hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc ngành, lĩnh vực khi được Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Giao thông vận tải cho phép hoặc ủy quyền;

d) Thực hiện các hoạt động đối ngoại theo đúng quy định của Ủy ban nhân dân thành phố và hướng dẫn của Sở Ngoại vụ đối với các cơ quan chuyên môn nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế thuộc lĩnh vực nghề nghiệp;

đ) Là đầu mối quan hệ với các tổ chức quốc tế về giao thông vận tải mà thành phố là thành viên theo sự phân công của Ủy ban nhân dân thành phố;

e) Hướng dẫn, cung cấp thông tin, theo dõi và hỗ trợ các tổ chức nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực liên quan đến ngành trên địa bàn thành phố theo đúng quy định của pháp luật;

g) Theo dõi và chỉ đạo thực hiện các chương trình, dự án đầu tư nước ngoài cho thành phố, kể cả viện trợ của Chính phủ và các tổ chức phi chính phủ có liên quan đến ngành theo quy định của Nhà nước; quản lý việc mời và nội dung hoạt động của

các tổ chức, cá nhân nước ngoài vào thành phố theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố;

h) Đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố quyết định cử đoàn cán bộ hoặc cán bộ do Sở quản lý đi nước ngoài công tác, học tập, tu nghiệp theo quy định.

16. Thanh tra, kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về giao thông vận tải đường bộ, đường thủy nội địa, đường sắt đô thị và bảo vệ công trình giao thông, bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn thành phố; giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật hoặc phân công của Ủy ban nhân dân thành phố.

17. Công tác tổ chức bộ máy và cán bộ:

a) Nghiên cứu và phối hợp với Sở Nội vụ đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố phương án kiện toàn tổ chức bộ máy, sắp xếp bố trí, luân chuyển cán bộ, công chức theo hướng cải cách hành chính và hoạt động có hiệu quả;

b) Nghiên cứu và phối hợp với Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập, chia tách, sáp nhập, giải thể đối với các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở, đặc biệt là thành lập các đơn vị sự nghiệp hoạt động dịch vụ công thuộc chức năng quản lý nhà nước của Sở; xây dựng cơ chế xã hội hóa và tổ chức quản lý nhà nước đối với các dịch vụ xã hội có liên quan;

c) Quy hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng (kể cả trong và ngoài nước) đội ngũ cán bộ, công chức; xây dựng kế hoạch tuyển dụng cán bộ, công chức theo đúng quy định của Bộ Nội vụ, hướng dẫn của Bộ Giao thông vận tải;

d) Thực hiện việc bổ nhiệm và bổ nhiệm lại, đồng thời bố trí cán bộ theo các chức danh, tiêu chuẩn công chức thuộc Sở theo quy định;

đ) Phối hợp với Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân thành phố về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, kỷ luật và thực hiện chính sách đối với cán bộ, công chức thuộc diện Thành ủy quản lý và Ủy ban nhân dân thành phố quản lý theo quy định phân cấp quản lý cán bộ;

e) Đảm bảo thực hiện đúng quy chế dân chủ cơ sở, phát huy năng lực, trình độ và nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ, công chức và hiệu quả quản lý nhà nước của ngành trên địa bàn thành phố;

g) Hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra đối với các đơn vị trực thuộc Sở trong việc thực

hiện nhiệm vụ; sử dụng kinh phí, tài sản được cấp, biên chế được giao đúng mục đích và có hiệu quả;

h) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng, Thanh tra, các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở; quản lý biên chế thực hiện chế độ tiền lương và các chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố và quy định của pháp luật.

18. Về tài chính:

Quản lý tài chính, tài sản được giao theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố và quy định của pháp luật.

a) Phối hợp với Sở Tài chính xây dựng dự toán thu - chi ngân sách nhà nước hàng năm và phương án phân bổ dự toán chi ngân sách của Sở Giao thông vận tải trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định;

b) Phân bổ dự toán thu - chi ngân sách nhà nước cho các đơn vị trực thuộc sau khi tổng dự toán được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt;

c) Quản lý các nguồn kinh phí được giao; kiểm tra, giám sát việc sử dụng ngân sách ở các đơn vị trực thuộc Sở. Tổ chức xét duyệt quyết toán và chịu trách nhiệm về kết quả xét duyệt quyết toán nguồn kinh phí sự nghiệp;

d) Giám đốc Sở Giao thông vận tải được quyền quyết định điều phối kinh phí hoạt động sự nghiệp duy tu giữa các lĩnh vực, giữa các đơn vị trực thuộc nhằm hoàn thành nhiệm vụ được giao, nhưng không được thay đổi tổng dự toán được duyệt trên cơ sở thống nhất với Sở Tài chính;

đ) Phối hợp theo dõi, kiểm tra việc thực hiện theo đúng mục tiêu chương trình đã được duyệt thuộc lĩnh vực giao thông vận tải do Sở Giao thông vận tải và các quận - huyện quản lý và thực hiện;

e) Kiểm tra, giám sát việc thu và sử dụng các loại phí và lệ phí thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải theo quy định của pháp luật.

19. Công tác đào tạo chuyên ngành:

a) Tổ chức đào tạo công nhân lành nghề thuộc lĩnh vực giao thông vận tải đạt trình độ công nhân kỹ thuật bậc 3/7; cán bộ kỹ thuật có trình độ trung cấp và cao đẳng về giao thông vận tải. Nâng cao chất lượng đào tạo và chỉ tiêu đào tạo được Ủy

ban nhân dân thành phố và Bộ Giao thông vận tải, Bộ Giáo dục và Đào tạo giao kế hoạch hàng năm;

b) Phối hợp với Trường Cán bộ thành phố và các đơn vị có chức năng đào tạo để tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ về ngành giao thông vận tải, về quản lý xây dựng theo kế hoạch của Sở Giao thông vận tải và theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Giao thông vận tải;

c) Nghiên cứu và phối hợp với Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân thành phố tiêu chuẩn đối với một số loại chuyên viên kỹ thuật chuyên ngành thuộc chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải.

20. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia.

21. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân thành phố giao hoặc theo quy định của pháp luật.

Chương III

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Điều 4. Nguyên tắc chung

1. Sở Giao thông vận tải do một Giám đốc phụ trách chung, có các Phó Giám đốc giúp việc cho Giám đốc.

2. Giám đốc Sở là người đứng đầu Sở, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Sở; chịu trách nhiệm báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân thành phố và Bộ Giao thông vận tải theo quy định.

3. Các Phó Giám đốc Sở là người giúp việc cho Giám đốc Sở, được Giám đốc Sở phân công phụ trách các lĩnh vực công tác, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công; khi Giám đốc Sở vắng mặt, một Phó Giám đốc Sở được Giám đốc Sở ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Sở.

4. Việc bổ nhiệm Giám đốc và các Phó Giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ do Bộ Giao thông vận tải ban hành và theo quy định của pháp luật; việc miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện các chế độ, chính sách đối với Giám đốc và các Phó

Giám đốc Sở thực hiện theo quy định của pháp luật và theo phân cấp quản lý cán bộ của thành phố.

5. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của Sở và tình hình thực tế, trong quá trình chỉ đạo, điều hành hoạt động của Sở, Giám đốc Sở có quyền quyết định thành lập, giải thể, sáp nhập các phòng, ban chức năng của Sở phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ trong từng thời kỳ, sau khi trao đổi thống nhất với Giám đốc Sở Nội vụ.

6. Giám đốc Sở được quyền bổ nhiệm, bãi nhiệm các chức danh lãnh đạo các phòng, ban và các đơn vị trực thuộc Sở, trừ các chức danh do Ủy ban nhân dân thành phố hoặc Giám đốc Sở Nội vụ bổ nhiệm theo phân cấp quản lý cán bộ của thành phố.

7. Giám đốc Sở Giao thông vận tải quyết định ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của các phòng, ban chuyên môn phù hợp với Quy chế này.

8. Các đơn vị trực thuộc Sở căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, có trách nhiệm phối hợp tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch công tác của đơn vị được Giám đốc Sở giao hàng năm.

Điều 5. Cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông vận tải

1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công và ủy quyền, Giám đốc Sở Giao thông vận tải chỉ đạo sắp xếp cơ cấu tổ chức bộ máy các phòng, ban chuyên môn thuộc Sở; xác định nhiệm vụ, biên chế cho từng phòng, ban và bổ nhiệm, sắp xếp nhân sự phù hợp nhằm đảm bảo hoạt động quản lý hành chính nhà nước về giao thông vận tải có hiệu quả thiết thực.

2. Các phòng, ban chuyên môn thuộc Sở:

- a) Phòng Kế hoạch đầu tư;
- b) Phòng Tài chính;
- c) Phòng Tổ chức cán bộ;
- d) Phòng Pháp chế;
- đ) Phòng Quản lý Khai thác hạ tầng giao thông đường bộ;
- e) Phòng Quản lý Xây dựng công trình giao thông đường bộ;
- g) Phòng Quản lý Vận tải đường bộ;
- h) Phòng Quản lý Giao thông đường thủy;
- i) Phòng Quản lý Sát hạch và Cấp giấy phép lái xe;

k) Phòng Quản lý Công viên cây xanh;

l) Phòng Quản lý Cấp thoát nước;

m) Văn phòng Sở;

n) Thanh tra Sở.

3. Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở:

a) Khu Quản lý Giao thông đô thị số 1;

b) Khu Quản lý Giao thông đô thị số 2;

c) Khu Quản lý Giao thông đô thị số 3;

d) Khu Quản lý Giao thông đô thị số 4;

đ) Khu Quản lý Đường thủy nội địa;

e) Cảng vụ đường thủy nội địa;

g) Trung tâm Quản lý và Điều hành vận tải hành khách công cộng;

h) Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới 50-01S;

i) Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới 50-02S;

k) Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới 50-03S;

l) Trung tâm Đăng kiểm phương tiện thủy nội địa;

m) Ban Quản lý các bến xe vận tải hành khách thành phố;

n) Ban Quản lý Dự án vệ sinh môi trường thành phố (lưu vực Nhiều Lộc - Thị Nghè);

o) Trường Cao đẳng Giao thông vận tải.

Chương IV

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 6. Đối với Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố

1. Sở Giao thông vận tải chịu sự giám sát, có trách nhiệm báo cáo, trình bày hoặc cung cấp tài liệu cần thiết cho Hội đồng nhân dân thành phố; trả lời các chất vấn, kiến nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước của Sở.

2. Sở Giao thông vận tải chấp hành sự chỉ đạo, chịu sự kiểm tra, kiểm soát của Ủy ban nhân dân thành phố đối với các hoạt động quản lý hành chính nhà nước của Sở; có trách nhiệm báo cáo định kỳ, đột xuất tình hình, kế hoạch hoạt động của Sở cho Ủy ban nhân dân thành phố theo chế độ quy định; tham gia đầy đủ các cuộc họp do Ủy ban nhân dân thành phố triệu tập.

3. Sở Giao thông vận tải báo cáo, xin chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố để giải quyết các vấn đề vượt quá quyền hạn được giao và đối với những vấn đề chưa được các Sở - ngành, quận - huyện nhất trí.

4. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm xin ý kiến của Ủy ban nhân dân thành phố trước khi kiến nghị lên Bộ Giao thông vận tải những vấn đề thuộc lĩnh vực mà Ủy ban nhân dân thành phố chưa ủy quyền.

5. Trường hợp chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố có những điểm không còn phù hợp hoặc trái với quy định hiện hành của nhà nước, thì Sở chủ động đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố tạm ngưng thực hiện hoặc sửa đổi, bổ sung hay hủy bỏ theo quy định của pháp luật.

6. Tổng hợp và lập báo cáo tình hình hoạt động của ngành giao thông vận tải trên địa bàn thành phố cho Ủy ban nhân dân thành phố theo định kỳ hoặc đột xuất.

Điều 7. Đối với Bộ Giao thông vận tải

1. Sở Giao thông vận tải chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ và báo cáo kết quả thực hiện cho Bộ Giao thông vận tải; tham dự đầy đủ các cuộc họp và tập huấn nghiệp vụ do Bộ Giao thông vận tải triệu tập.

2. Trường hợp chỉ đạo hoặc hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ của Bộ Giao thông vận tải chưa thống nhất với chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố hoặc các chỉ đạo và hướng dẫn của cấp trên mà Sở Giao thông vận tải xét thấy chưa phù hợp với tình hình thực tiễn của thành phố, Sở Giao thông vận tải phải kịp thời báo cáo và đề xuất để Ủy ban nhân dân thành phố làm việc với Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

3. Tổng hợp và lập báo cáo tình hình hoạt động của ngành trên địa bàn thành phố cho Bộ Giao thông vận tải theo định kỳ hoặc đột xuất.

Điều 8. Đối với các Sở - ngành thành phố

1. Các văn bản mang tính quy phạm pháp luật do Sở Giao thông vận tải xây dựng dự thảo trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành đều phải gửi đến Sở Tư pháp để góp ý, thẩm định theo đúng quy định về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Đối với các vấn đề vướng mắc có liên quan đến các Sở - ngành khác, khi báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố phải có ý kiến của các Sở - ngành đó bằng văn bản. Nếu sau 10 (mười) ngày làm việc, kể từ khi các Sở - ngành khác nhận được văn bản hỏi tham khảo ý kiến của Sở Giao thông vận tải mà không có văn bản trả lời thì mặc nhiên đồng ý với kiến nghị của Sở Giao thông vận tải trình Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Sở Giao thông vận tải chủ động trao đổi nắm thông tin có liên quan với các Sở - ngành khác để bổ sung vào nguồn tài liệu, cơ sở dữ liệu của Sở Giao thông vận tải.

4. Hướng dẫn, kiểm tra các có liên quan trong việc thực hiện pháp luật của nhà nước, quy định của Ủy ban nhân dân thành phố và các văn bản pháp luật về ngành hoặc lĩnh vực do Bộ chuyên ngành ban hành.

Điều 9. Đối với các quận - huyện

1. Phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc Ủy ban nhân dân các quận - huyện thực hiện các nội dung quản lý nhà nước thuộc chức năng của Sở Giao thông vận tải phụ trách nhằm giúp Ủy ban nhân dân các quận - huyện thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình trong việc quản lý ngành, đồng thời đề xuất kịp thời với các cấp có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong phạm vi quản lý.

2. Tổ chức tập huấn, đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ; kiểm tra, đôn đốc thực hiện chuyên môn đối với các cơ quan, đơn vị có chức năng giao thông vận tải của các quận - huyện.

3. Xây dựng quy định, hướng dẫn và đôn đốc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình hoạt động của ngành giao thông vận tải trên địa bàn của quận - huyện đối với các cơ quan, đơn vị chuyên môn của quận - huyện.

Điều 10. Đối với các tổ chức Đảng và đoàn thể của thành phố

1. Đối với các Ban Đảng của Thành ủy, Sở Giao thông vận tải có mối quan hệ trực tiếp để thông qua đó tiếp nhận những định hướng lãnh đạo, chỉ đạo của Thành ủy.

2. Chủ động phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh và các tổ chức đoàn thể trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của Sở Giao thông vận tải. Tạo điều kiện cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức đoàn thể tham gia ý kiến với Sở Giao thông vận tải trong việc tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật có liên quan đến ngành.

3. Đối với những vấn đề vướng mắc có liên quan, Giám đốc Sở Giao thông vận tải trao đổi ý kiến với lãnh đạo các đoàn thể (bằng văn bản) trước khi trình Ủy ban nhân dân thành phố.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Giám đốc Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này, tổng hợp và báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân thành phố, của Bộ Giao thông vận tải về tình hình hoạt động của Sở Giao thông vận tải, tình hình các mặt công tác thuộc chức năng quản lý nhà nước của Sở trên địa bàn thành phố.

Điều 12. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có những điểm không còn phù hợp với quy định của nhà nước, Giám đốc Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm kịp thời báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố (thông qua Sở Nội vụ) để xem xét, điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi Quy chế này cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 71/2010/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 9 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý, sử dụng xe thô sơ, xe gắn máy,
xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự
để vận chuyển hành khách, hàng hóa trên địa bàn
thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Thông tư số 08/2009/TT-BGTVT ngày 23 tháng 6 năm 2009 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn việc sử dụng xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự để vận chuyển hành khách, hàng hóa;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải (Công văn số 5050/SGTVT-VTCN ngày 26 tháng 8 năm 2010 và Công văn số 4157/SGTVT-VTCN ngày 21 tháng 7 năm 2010); Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp (Công văn số 2790/STP-VB ngày 12 tháng 8 năm 2010),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý, sử dụng xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự để vận chuyển hành khách, hàng hóa trên địa bàn thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Giao thông

vận tải, Giám đốc Công an thành phố, Thủ trưởng các sở, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Về quản lý, sử dụng xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô hai bánh,
xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự để vận chuyển hành khách,
hàng hóa trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 71/2010/QĐ-UBND
ngày 17 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý, sử dụng xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự để tham gia vận chuyển hành khách, hàng hóa có thu tiền trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động vận chuyển hành khách, hàng hóa có thu tiền bằng xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Xe thô sơ gồm: xe đạp (kể cả xe đạp điện, xe đạp máy), xe xích lô và các loại xe tương tự.

2. Xe gắn máy là xe hai bánh chạy bằng động cơ, có dung tích xi lanh dưới 50cm³ được thiết kế để chở người (trừ xe có động cơ điện).

3. Xe mô tô hai bánh là xe hai bánh chạy bằng động cơ, có dung tích xi lanh từ 50cm³ trở lên được thiết kế để chở người.

4. Xe mô tô ba bánh là xe ba bánh chạy bằng động cơ, có dung tích làm việc từ 50cm³ trở lên, có vận tốc thiết kế lớn nhất lớn hơn 50 km/h, có trọng lượng xe tối đa là 400 kg.

Chương II
QUY ĐỊNH VỀ PHƯƠNG TIỆN, NGƯỜI HÀNH NGHỀ
VẬN CHUYỂN VÀ HOẠT ĐỘNG VẬN CHUYỂN

Điều 4. Phương tiện vận chuyển

1. Xe thô sơ đúng kiểu loại, đã được cấp giấy đăng ký và gắn biển số do Sở Giao thông vận tải cấp (đối với xe xích lô), được phép tham gia giao thông phải bảo đảm về chất lượng, an toàn kỹ thuật quy định sau đây:

- a) Có đủ hệ thống hãm có hiệu lực;
- b) Có hệ thống chuyển hướng có hiệu lực;
- c) Các kết cấu phải đủ độ bền và bảo đảm tính năng vận hành ổn định.

2. Xe gắn máy, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh đúng kiểu loại đã được cấp giấy đăng ký và gắn biển số do cơ quan Công an có thẩm quyền cấp, được phép tham gia giao thông phải bảo đảm về chất lượng, an toàn kỹ thuật quy định sau đây:

- a) Có đủ hệ thống hãm có hiệu lực;
- b) Có hệ thống chuyển hướng có hiệu lực;
- c) Có đủ đèn chiếu sáng gần và xa, đèn soi biển số, đèn báo hãm, đèn tín hiệu;
- d) Có bánh lốp đúng kích cỡ và đúng tiêu chuẩn kỹ thuật của từng loại xe;
- đ) Có đủ gương chiếu hậu và các trang bị, thiết bị khác bảo đảm tầm nhìn cho người điều khiển;
- e) Có còi với âm lượng đúng quy chuẩn kỹ thuật;
- g) Có đủ bộ phận giảm thanh, giảm khói và các trang bị, thiết bị khác bảo đảm khí thải, tiếng ồn theo quy chuẩn môi trường;
- h) Các kết cấu phải đủ độ bền và bảo đảm tính năng vận hành ổn định.

Điều 5. Người hành nghề vận chuyển

1. Người hành nghề vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng xe thô sơ:

- a) Phải đủ 16 tuổi trở lên, có sức khỏe bảo đảm điều khiển xe an toàn;
- b) Hiểu biết quy tắc giao thông đường bộ;
- c) Đăng ký với Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn để được cấp biển hiệu hoạt động (thẻ hoạt động vận chuyển);
- d) Khi điều khiển phương tiện phải mang theo các giấy tờ sau:

- Giấy đăng ký xe;
- Giấy chứng minh nhân dân.

2. Người hành nghề vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng xe gắn máy, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh:

a) Phải đủ độ tuổi quy định tại điểm a, điểm b của khoản 1, Điều 60 Luật Giao thông đường bộ ngày 26 tháng 11 năm 2008;

b) Phải đủ sức khỏe quy định tại khoản 2, Điều 60 Luật Giao thông đường bộ ngày 26 tháng 11 năm 2008;

c) Phải có giấy phép lái xe phù hợp với loại xe được phép điều khiển do Sở Giao thông vận tải có thẩm quyền cấp (đối với người điều khiển xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh);

d) Đăng ký với Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn để được cấp biển hiệu hoạt động (thẻ hoạt động vận chuyển);

đ) Trang bị mũ bảo hiểm đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng theo quy định của pháp luật cho hành khách đi xe;

e) Khi điều khiển phương tiện phải mang theo các giấy tờ sau:

- Giấy đăng ký xe;
- Giấy phép lái xe (nếu điều khiển xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh);
- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (nếu điều khiển xe mô tô ba bánh);
- Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới còn hiệu lực;
- Giấy chứng minh nhân dân.

3. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2011, người hành nghề vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh phải mang biển hiệu (thẻ hoạt động vận chuyển) do cơ quan có thẩm quyền cấp tại vị trí ngực áo bên trái.

4. Khuyến khích các cá nhân hành nghề vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh phải tham gia vào các tổ, đội, nghiệp đoàn.

Điều 6. Hoạt động vận chuyển

1. Các hoạt động dừng, đỗ, đón, trả hành khách và hàng hóa phải bảo đảm trật

tự, an toàn giao thông đường bộ. Hàng hóa xếp trên xe phải bảo đảm an toàn, không gây cản trở giao thông và che khuất tầm nhìn của người điều khiển.

2. Phạm vi hoạt động của xe thô sơ, xe mô tô ba bánh được quy định tại Quyết định số 37/2009/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2009 và Quyết định số 94/2009/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc cấm và hạn chế xe cơ giới ba bánh và xe thô sơ ba, bốn bánh lưu thông trong khu vực nội đô và trên các quốc lộ thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Chương III **CƠ QUAN CẤP BIỂN HIỆU** **VÀ THỦ TỤC CẤP BIỂN HIỆU HOẠT ĐỘNG**

Điều 7. Thẩm quyền cấp biển hiệu hoạt động

Ủy ban nhân dân cấp phường - xã, thị trấn cấp biển hiệu hoạt động vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự (thẻ hoạt động vận chuyển) trên địa bàn mình quản lý.

Điều 8. Hồ sơ đề nghị cấp và tái cấp biển hiệu hoạt động

1. Hồ sơ đề nghị cấp biển hiệu hoạt động:

- a) Đơn đăng ký (theo mẫu quy định tại phụ lục 1);
- b) Bản chụp giấy phép lái xe phù hợp (nếu đăng ký hành nghề vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh);
- c) Bản chụp chứng minh nhân dân;
- d) Bản chụp sổ hộ khẩu (hoặc sổ tạm trú KT3).

2. Thời gian hiệu lực của biển hiệu hoạt động là 05 năm kể từ ngày cấp.

Điều 9. Trình tự và thời gian giải quyết hồ sơ

1. Các cá nhân hành nghề vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự nộp hồ sơ trực tiếp tại Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn nơi mình đăng ký hoạt động. Sau khi nhận đủ các loại giấy tờ quy định tại Điều 8, Chương II Quy định này, Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn cấp Biên nhận hồ sơ và vào sổ tiếp nhận hồ sơ.

2. Thời gian cấp và tái cấp biển hiệu hoạt động là 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3. Nếu từ chối cấp phép phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho người nộp hồ sơ.

4. Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn có trách nhiệm thu hồi, hủy bỏ biển hiệu không sử dụng trước khi cấp biển hiệu mới.

Điều 10. Thu hồi biển hiệu hoạt động

1. Cơ quan cấp biển hiệu có trách nhiệm thu hồi biển hiệu hoạt động do mình cấp khi cá nhân hành nghề vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự vi phạm các quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Cá nhân hành nghề vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự bị thu hồi biển hiệu hoạt động khi vi phạm một trong các trường hợp sau:

a) Sử dụng biển hiệu không đúng quy định hoặc cố ý làm sai lệch các thông tin đã được ghi trên biển hiệu đã cấp;

b) Không chấp hành đúng quy định trong quá trình tham gia hoạt động vận chuyển hành khách, hàng hóa.

Điều 11. In ấn biển hiệu hoạt động

1. Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn định kỳ hàng quý trước ngày 05 của tháng cuối quý, có văn bản đăng ký số lượng biển hiệu cần thiết để cấp cho quý tiếp theo gửi về Sở Giao thông vận tải.

2. Trên cơ sở số lượng biển hiệu đăng ký của các Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn, Sở Giao thông vận tải tiến hành in ấn biển hiệu (theo mẫu quy định tại phụ lục 2), cấp phát cho Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn trước ngày 01 của tháng đầu tiên quý sau.

3. Kinh phí in ấn biển hiệu được lấy từ nguồn thu xử phạt vi phạm hành chính về trật tự an toàn giao thông trích để lại cho Ban An toàn giao thông thành phố.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm và quyền hạn

1. Ban An toàn giao thông thành phố tổ chức tuyên truyền, phổ biến Quy định này đến các tổ chức, cá nhân kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng xe thô sơ xe gắn máy, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

2. Giám đốc Sở Giao thông vận tải phối hợp với Giám đốc Công an thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn và các Sở - ban - ngành có liên quan tổ chức triển khai Quy định này đến các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện:

a) Quy định các điểm đỗ, điểm đón trả khách và hàng hóa trên địa bàn mình quản lý, đảm bảo an toàn giao thông và phù hợp với quy định tại Quyết định số 37/2009/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2009 và Quyết định số 94/2009/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố;

b) Định kỳ hàng quý trước ngày 25 của tháng đầu tiên quý sau, tổng hợp báo cáo tình hình hoạt động vận chuyển hành khách, hàng hóa có thu tiền bằng xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự về Sở Giao thông vận tải.

4. Ủy ban nhân dân cấp phường - xã, thị trấn:

a) Quản lý, cấp biển hiệu hoạt động vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự trên địa bàn mình quản lý;

b) Quản lý các cá nhân, tổ, đội, nghiệp đoàn hoạt động vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự trên địa bàn mình quản lý;

c) Tiếp nhận, hướng dẫn và thành lập các tổ, đội hoạt động vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự trên địa bàn mình quản lý;

d) Tổ chức bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết công tác cấp và tái cấp biển hiệu hoạt động thuận lợi và nhanh chóng;

đ) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện công bố điểm đỗ, điểm chờ đón khách trên địa bàn mình quản lý;

e) Định kỳ hàng quý trước ngày 15 của tháng đầu tiên quý sau, báo cáo thống kê tình hình hoạt động vận chuyển hành khách, hàng hóa có thu tiền bằng xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự về Ủy ban nhân dân quận - huyện.

5. Tổ, đội, nghiệp đoàn:

a) Tiếp nhận các cá nhân có nhu cầu tham gia hoạt động vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự vào tổ, đội, nghiệp đoàn của mình;

b) Hướng dẫn tổ viên, đội viên, thành viên của mình đăng ký với Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn để được cấp biển hiệu hoạt động vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự;

c) Xây dựng quy chế hoạt động của tổ, đội, nghiệp đoàn;

d) Tổ chức phổ biến, tuyên truyền các quy định pháp luật liên quan đến Luật Giao thông đường bộ ngày 26 tháng 11 năm 2008, Nghị định số 34/2010/NĐ-CP ngày 02 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ và Quy định này đến các tổ chức, cá nhân kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng xe thô sơ xe gắn máy, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

đ) Định kỳ hàng quý trước ngày 05 của tháng đầu tiên quý sau, báo cáo về Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn nơi đơn vị đăng ký hoạt động.

6. Thanh tra Sở Giao thông vận tải, Cảnh sát giao thông đường bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn tổ chức kiểm tra, xử lý các phương tiện vi phạm theo thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được quy định trong lĩnh vực giao thông đường bộ hiện hành.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc phát sinh, các Sở - ban - ngành thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn, cá nhân, tổ chức có liên quan kịp thời báo cáo về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Quyết định số 71/2010/QĐ-UBND
ngày 17 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố)

(Mẫu đơn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàythángnăm

ĐƠN ĐĂNG KÝ

THAM GIA KINH DOANH VẬN TẢI:(1)

BẰNG XE:(2)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân phường/xã/thị trấn.....(3)

Tôi tên là:năm sinh:.....

Quê quán:.....

Địa chỉ thường trú (tạm trú KT3):.....

Số chứng minh nhân dân:.....cấp ngày:.....

tại:.....

Đăng ký tham gia kinh doanh vận tải:.....(1)

bằng:.....(2)

Tôi xin cam đoan chấp hành đúng quy định trong quá trình tham gia hoạt động vận chuyển hành khách, hàng hóa.

Người đăng ký

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1): Ghi hành khách hay hàng hóa.

(2): Ghi xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô hai bánh
Xe mô tô ba bánh.

(3): Ghi phường/xã/thị trấn nơi đăng ký biển hiệu.

PHỤ LỤC 2

(Kèm theo Quyết định số 71/2010/QĐ-UBND
ngày 17 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố)

(Mẫu biển hiệu)

8 cm 	
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Quận/Huyện: Phường/xã:	THẺ HOẠT ĐỘNG VẬN CHUYỂN BẰNG XE(1) Số thẻ:/..... và tên: năm sinh: Địa chỉ: Có giá trị đến:
Ảnh màu 2x3	Dấu
6 cm	

Ghi chú: (1): Ghi xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/2010/QĐ-UBND

*Bình Chánh, ngày 07 tháng 9 năm 2010***QUYẾT ĐỊNH****Về việc công bố văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực****ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tư pháp tại Tờ trình số 269/TTr-TP ngày 31 tháng 8 năm 2010 về công bố văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công bố 06 (sáu) văn bản của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh ban hành theo danh mục đính kèm, hết hiệu lực thi hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã - thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH****Trần Trọng Tuấn**

DANH MỤC VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC*(Ban hành kèm theo Quyết định số 11/2010/QĐ-UBND**ngày 07 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh)*

1. Quyết định số 01/2008/QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2008 ban hành Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách của thành phố và của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh năm 2008;

2. Quyết định số 01/2009/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh về ban hành Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách huyện, Chương trình công tác của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh năm 2009;

3. Chỉ thị số 01/2009/CT-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh về tăng cường vận động hiến máu nhân đạo năm 2009 trên địa bàn huyện Bình Chánh;

4. Chỉ thị số 02/2009/CT-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh về tập trung triển khai các giải pháp chủ yếu để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh năm 2009 của huyện Bình Chánh;

5. Chỉ thị số 03/2009/CT-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh về tổ chức thực hiện nhiệm vụ quân sự - quốc phòng năm 2009;

6. Chỉ thị số 04/2009/CT-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2009 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh về tổ chức phát động phong trào thi đua yêu nước năm 2009./.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: ttcb@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

Giá: 5.000 đồng